TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 132/2019/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 02 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN NHÂN THÀNH PHỐ H – TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 93/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* anh Phạm Văn G, sinh năm 1982;

Trú tại: Tổ 4, khu 2, phường A, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh;

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* chị Phạm Thị T, sinh năm 1981;

Trú tại: Tổ 4, khu 2, phường A, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn G và chị Phạm Thị T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2014 có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Đây là hôn nhân đúng quy định pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong mọi việc dẫn đến cuộc sống hôn nhân trầm trọng, căng thẳng. Mục đích hôn nhân không đạt được nên anh G và chị T thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh G và chị T có 02 con chung là Phạm Văn Đ, sinh ngày 17/11/2014 và Phạm Đức A, sinh ngày 07/8/2017. Khi ly hôn anh chị thống

nhất anh G nuôi dưỡng con chung Phạm Văn Đ đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), chị T nuôi dưỡng con chung Phạm Đức A đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền qua lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Anh G và chị T có sở hữu chung 01 ngôi nhà 3,5 tầng trị giá 900.000.000 (Chín trăm triệu) đồng (xây dựng trên thửa đất của anh G có trước kết hôn) tại tổ 4 khu 2 phường A, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 203429 do Uỷ ban nhân dân thành phố H cấp ngày 23/12/2016 cho Phạm Văn G và Phạm Thị T. Nay ly hôn anh chị thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận như sau: anh G được quyền sở hữu ngôi nhà 3,5 tầng như đã nêu ở trên, anh G có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) cho chị T, thời gian thanh toán là 03 tháng kể từ ngày quyết định này của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra hai bên không phải thanh toán thêm tài sản gì cho nhau.

[4] Về vay nợ chung: Anh G và chị T không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh G tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn G và chị Phạm Thị T thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung Phạm Văn Đ, sinh ngày 17/11/2014 cho anh Phạm Văn G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Giao con chung Phạm Đức A, sinh ngày 07/8/2017 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền qua lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: anh Phạm Văn G được quyền sở hữu ngôi nhà 3,5 tầng xây dựng trên thửa đất (tài sản riêng của anh Phạm Văn G) có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 203429 do Uỷ ban nhân dân thành phố H cấp ngày

23/12/2016 cho Phạm Văn G và Phạm Thị T. Anh Phạm Văn G có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) cho chị Phạm Thị T, thời gian thanh toán là 03 tháng kể từ ngày quyết định này của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra hai bên không phải thanh toán thêm tài sản gì cho nhau.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Phạm Văn G tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí ly hôn được trừ vào số tiền anh Phạm Văn G đã nộp tạm ứng lệ phí theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0000716 ngày 15/03/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Anh Phạm Văn G đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phạm Gia Ninh